

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2018

Về tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Kiến Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp ST, xã PC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp Xóm Vó, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị P1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp ST, xã PC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Văn P trình bày: Vào năm 1990 anh xác lập quan hệ hôn nhân với Chị Phạm Thị P1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/11/2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có hai người con chung tên Dương Hoàng T, sinh ngày 28/7/1996 và Dương Bảo Q, sinh ngày 27/8/2000, hiện nay Dương Hoàng T đã thành niên và sống tự lập, còn Dương Bảo Q đang sống với chị Phụng; vợ chồng

anh không có nợ chung và tài sản chung. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ anh không chăm lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Vào năm 2016 anh có khởi kiện yêu cầu được ly hôn với vợ anh. Tại Bản án số: 42/2016/HNST ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã xử bác yêu cầu ly hôn của anh. Sau khi Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, anh cũng cố gắng hàn gắn, đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh cũng không có quay về sống chung với nhau. Nay cuộc sống gia đình không thể hàn gắn đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Phạm Thị P1. Anh đồng ý cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Bảo Q, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung bằng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; đối với con chung tên Dương Hoàng T đã thành niên và sống tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Chị Phạm Thị P1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì lớn, do trước đây chị buôn bán trái cây không dành nhiều thời gian lo lắng cho gia đình, nên vào năm 2016 anh P có yêu cầu ly hôn nhưng Tòa án bác yêu cầu ly hôn, sau đó chị không bán trái cây nữa mà bán vé số một buổi, còn một buổi chị về chăm lo cho cuộc sống chị và các con, chị đã sửa đổi tính tình và dành nhiều thời gian cho gia đình nhưng do chồng chị có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị có nghe điện thoại của người phụ nữ khác gọi cho chồng chị, còn chứng cứ chứng minh chồng chị có ngoại tình với ai hay không thì chị không có, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, sau khi Tòa án bác đơn ly hôn của chồng chị thì vợ chồng chị cũng không có về chung sống với nhau. Nay chồng chị yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn vì chị còn yêu thương chồng con, chị không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến việc học hành của con, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn nhau thì về con chung tên Dương Hoàng T đã thành niên và sống tự lập nên chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Dương Bảo Q và chị không yêu cầu chồng chị phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn việc anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung bao nhiêu là do anh P quyết định. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2017 con chung tên Dương Bảo Q trình bày: Tôi là con ruột của ông Dương Văn P và bà Phạm Thị P, hiện nay tôi đang sống chung với mẹ. Tôi không đồng ý cho cha mẹ ly hôn, tôi muốn sống chung cả cha lẫn mẹ, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn nhau thì tôi có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ tôi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Văn P đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Dương Văn P (bản sao);
- 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 02 ngày 28/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú Cần (bản sao);
- 01 (một) Giấy khai sinh của Dương Bảo Q (bản sao);
- 01 (một) Giấy khai sinh của Dương Hoàng T (bản sao);
- 01 (một) Bản án số: 42/2016/HNST ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Dương Văn P và Chị Phạm Thị P1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Cần vào năm 2002 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của anh Dương Văn P và Chị Phạm Thị P1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Vào ngày 08/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần có thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là anh Dương Văn P với bị đơn Chị Phạm Thị P1. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Chị Phạm Thị P1 cũng thừa nhận không lo lắng chu đáo cho gia đình, chồng con, anh P có góp ý nhưng chị chưa sửa đổi được, chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương chồng con, chị cam kết sẽ dành thời gian lo cho gia đình. Nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị có thời gian để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, về chung sống để lo lắng cho con chung nên khi xét xử vụ án tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số: 42/2016/HNST ngày 22/8/2016 Tòa án đã bác yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn P về việc xin được ly hôn với Chị Phạm Thị P1. Tuy nhiên, hiện nay cả anh P và chị P đều thừa nhận sau khi Tòa án xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh P cho đến nay thì anh chị vẫn sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa, anh Dương Văn P xác định giữa anh và Chị Phạm Thị P1 không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống hơn 02 năm nay, nếu Tòa án giải quyết bác đơn ly hôn của anh một lần nữa thì anh vẫn không quay về chung sống đoàn tụ với chị P vì mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không thể hàn gắn được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho anh Dương Văn P được ly hôn với Chị Phạm Thị P1.

Việc chị P cho rằng anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới xin ly hôn với chị nhưng chị không có chứng cứ nào chứng minh nên lời trình bày của chị là không có căn cứ.

[2] *Đối với con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Con chung tên Dương Bảo Q hiện nay đang sống chung với Chị Phạm Thị P1, anh Dương Văn P đồng ý cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Đối với con chung tên Dương Hoàng T do đã thành niên và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Dương Văn P và Chị Phạm Thị P1 thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn anh Dương Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị P1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn P, cho anh Dương Văn P được ly hôn với Chị Phạm Thị P1.

2. *Đối với con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Công nhận sự tự nguyện của anh Dương Văn P và Chị Phạm Thị P1 về việc anh Dương Văn P đồng ý giao con chung tên Dương Bảo Q, sinh ngày 27/8/2000 cho Chị Phạm Thị P1 được tiếp tục nuôi dưỡng.

Công nhận sự tự nguyện của anh Dương Văn P về việc anh Dương Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Dương Bảo Q, sinh ngày 27/8/2000 mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Đối với con chung tên Dương Hoàng T, sinh ngày 28/7/1996 do đã thành niên và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Văn P và Chị Phạm Thị P1 thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Dương Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011671 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, như vậy anh Dương Văn P còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí. Bị đơn Chị Phạm Thị P1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Phú Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Kiến Quốc